

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lãnh là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 46

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 03/07/2017

Địa điểm: Giảng đường Linh Phong

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chúng ta tiếp tục học tập Sa-di thập giới oai nghi lục yếu, môn oai nghi thứ 20:

“Hai mươi, vào tỵ lạc.”

“Tỵ lạc” ở đây, “tỵ” chính là nơi tụ tập, “lạc” chính là nơi cư trú, gọi là thôn xóm. Tỵ lạc chính là những nơi mà người tại gia thông thường cùng cư trú, ví như làng mạc, thị trấn, đô thị v.v. hiện nay. Thông thường tỵ lạc không thích hợp cho người xuất gia cư trú, bởi vì người xuất gia muốn tu đạo xuất thế, nên hết sức tránh xa nơi ồn náo, tránh xa hoàn cảnh ô nhiễm. Thế nên Phật giáo truyền đến Trung Quốc, tổ sư đại đức thông thường đều xây đạo tràng nơi rừng núi, mục đích này chính là để người tu đạo sơ học có thể buông xuống vạn duyên, tránh xa sự ảnh hưởng này, những ảnh hưởng bên ngoài mang đến, có thể an trú vào việc tu đạo.

Đương nhiên người xuất gia cũng chẳng thể không vào tỵ lạc, khi Phật còn tại thế, thông thường tăng đoàn đều cư trú ở nơi không xa tỵ lạc, thông thường mà nói là trong vòng hai dặm, như vậy tiện lợi cho việc khát thực. Thông thường vào sáng sớm thì tăng đoàn tỳ-kheo đều đắp y mang bát vào tỵ lạc khát thực. Khát thực xong thì mang thức ăn trở về nơi cư trú, thông thường là ở trên núi. Như khi Phật còn tại thế, ngài cư trú ở núi Linh Thứu thời gian rất lâu, từ núi Linh Thứu vào thành Vương-xá cũng không xem là xa, đi bộ đến nơi và quay về trong vòng một buổi sáng. Sau khi thọ trai xong thì không vào tỵ lạc nữa, mà an trú vào việc tu đạo. Thế nên điều thứ 83 trong chương 3 của giới tỳ-kheo nói rằng, nếu vào tỵ lạc phi thời, không báo với chư tỳ-kheo thì sẽ phạm giới, phi thời chính là sau giữa trưa, đã ăn cơm xong,

buổi chiều không có duyên sự thì không được tùy tiện vào tụng. Nếu thật sự có duyên sự của tam bảo, hoặc là nhân duyên đi thăm bệnh v.v, có những nhân duyên buộc phải vào tụng thì mới được vào, nếu không thì nên an trú nơi núi rừng yên tĩnh mà tu hành thiền quán. Được rồi, chúng ta xem nội dung kinh văn, câu thứ nhất:

“Nếu có duyên sự của tam bảo và nhân duyên thăm bệnh v.v. thì mới vào, nếu không có duyên sự cần thiết thì không được vào.”

Đây là nói nếu vì việc của tam bảo, như là việc của thường trụ, phải mua thức ăn cho thường trụ, hoặc là tiếp đón đưa tiễn, nếu có thiện tri thức lớn đến thăm, thông thường nên đi nghênh tiếp, pháp sư sắp rời khỏi thì cũng nên đưa tiễn. Trong Phạm Võng Bồ-tát Giới cũng dạy như thế, nếu có pháp sư “từ trăm dặm ngàn dặm xa đến thì phải lập tức tiếp đón đưa tiễn, lễ bái cúng dường”. Hoặc là đi giảng kinh thuyết pháp, nhận lời mời đi hoằng pháp lợi sanh, những duyên sự của tam bảo như vậy thì đương nhiên có thể phi thời vào tụng.

“Thăm bệnh” là khi cha mẹ hay sư trưởng có bệnh, chúng ta cần đi thăm nom. Cha mẹ, sư trưởng, bạn đạo có bệnh, nếu chúng ta không có nhân duyên gì khác mà không đi thăm họ thì cũng phạm giới Bồ-tát, “giới không thăm bệnh”, đây là điều thứ 9 thuộc tội khinh cấu. Cho nên đối với những duyên sự tương đối quan trọng cấp bách thì có thể vào tụng, những việc này đều không phải là vì chính mình. Nếu vì việc riêng tư của mình, ví dụ muốn đi hóa duyên, phan duyên với các cư sĩ và hộ pháp, vào tụng như vậy thì không đúng, những tâm thái phan duyên này sẽ chướng ngại đạo nghiệp của chúng ta, cho nên buộc phải có duyên sự khẩn yếu, bằng không thì không được tùy tiện vào tụng. Huống hồ trong tụng khó tránh khỏi những âm thanh sắc tướng xen tạp, ở trong đó nếu lực tu đạo của chúng ta không đủ vững chắc thì đa phần đều bị chúng mê hoặc.

Trong bài thơ của ngài Hàn Sơn có một đoạn nói như sau: *“Người xuất gia về sau, xương cốt thấm mê đời, xưa vốn cầu giải thoát, nay rong ruổi thế duyên, sáng tới đạo chốn tục, lễ niệm giả oai nghi, cờ bạc rồi nhắm rượu, trở thành kẻ làm thuê.”* Đoạn này là nói về thời đại sau này, chính là thời mạt pháp của chúng ta, người xuất gia khi vừa mới xuất gia vẫn xem là có đạo tâm. Thế nhưng xuất gia lâu rồi, nếu không có một vị thiện tri thức rất tốt dẫn dắt, không có tăng đoàn, tăng đoàn như pháp như luật để nương tựa thì nhất định sẽ trôi xuôi theo dòng, đạo tâm liền thoái thất, kết quả lại sa đà vào tình đời thói tục. Tập khí tình đời thói tục này quá sâu, như

thâm vào trong xương cốt, nên không dễ gì sửa đổi, kết cục ở trong sự ngu si ấy mà sống nốt cuộc đời còn lại, đạo nghiệp không thành, hết sức đáng tiếc.

Xuất gia vốn là muốn cầu giải thoát, thế nhưng lại bị duyên đời lôi kéo, như vậy có khác gì người đời. Cả ngày từ sáng đến tối đều lui tới nhà người thế tục, qua lại nhà người đời, hôm nay đến nhà Trương Tam, ngày mai đến nhà Lý Tứ, đều là để phan duyên, đều vì lợi dưỡng. Ở nhà những người thế tục này còn giả vờ ra vẻ oai nghi, giả dạng tướng thiên, hồng khiến người khác tôn trọng cúng dường. Hoặc làm kinh sám Phật sự cho họ, lễ bái chính là lễ sám, niệm kinh v.v.. “Cờ bạc rồi nhắm rượu”, có tiền rồi, do nhiễm phải những tập khí xấu của người đời, nhàn rồi buồn chán, chẳng tu đạo thì lấy tiền làm những gì? Đi đánh bạc, mua rượu về uống, phạm giới rồi. “Trở thành kẻ làm thuê”, “làm thuê” cũng chính là lại trở về nhà, vốn muốn xuất gia tu đạo, nhưng hiện nay tập khí đã trở thành ông chủ. Sự việc này trước mắt quả thực chẳng ít, chúng ta nhìn thấy cũng rất đau lòng, cho nên bản thân có nguyện rằng, hy vọng mỗi nơi tôi ở đều có thể thành lập tăng đoàn trị giới, để cho những người thật sự phát đạo tâm lớn xuất gia, họ có nơi nương tựa để an thân tu đạo.

Duyên bên ngoài không dễ gì có được, cho dù có được thì bản thân cũng cần có cái nhân bên trong. Nếu bản thân không thật sự muốn tu đạo, dẫu ở trong hoàn cảnh nhân duyên tốt như vậy, cũng không được lợi ích gì, ngược lại còn đọa lạc. Ở trong hoàn cảnh tu hành tốt như vậy, nếu không chịu thật tu, mà vẫn bị tập khí thói xấu làm chủ, không buông xuống được, thì hoàn cảnh tu học tốt đẹp này sớm muộn gì cũng sẽ biến mất. Nếu theo thiện tri thức học tập mà không có tâm chí thành cung kính, giải đãi, khinh mạn, thời gian lâu rồi cũng sẽ hưởng hết phước báo, đến khi đó muốn học tập với thiện tri thức thì cơ hội không còn nữa. Cho nên ở đây nói đến nhiệm vụ quan trọng của tỳ-kheo là tu hành, những việc khác đều có thể làm, có thể không làm, trừ khi là chấp sự trong tăng đoàn để hộ trì tăng đoàn thì cần phải vào tụ lạc. Vì hoằng pháp lợi sanh mới cần phải như thế, nếu vì bản thân thì không cần.

Trong kinh Phật Thoại có hai đoạn nói rằng: “Tỳ-kheo ở tụ lạc, thân khẩu dù tinh tấn, chư Phật vẫn thường lo. Tỳ-kheo ở trên núi, dù hết việc nằm không, chư Phật đều hoan hỷ.” Đây là nói nếu tỳ-kheo ở tụ lạc, ở nhà người thế tục, cho dù nghiệp thân và khẩu của họ đều biểu hiện vô cùng tinh tấn, đây là việc khó làm đáng quý, nhưng chư Phật vẫn cảm thấy lo, không yên tâm, sợ tỳ-kheo này chỉ cần hơi phóng túng giải đãi thì khó tránh khỏi phạm giới, khó tránh khỏi đọa lạc, gọi là “một bước sa chân, ngàn đời ân hận”. Bởi vì tụ lạc là chốn hồng trần ô nhiễm ở thế gian,

chúng ta ở đó sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, nhất là ở trong đô thị lớn, xa hoa trụy lạc, bạn ở nơi đó liệu sáu căn có thể không bị ô nhiễm hay không? Nếu quả nhiên không bị ô nhiễm thì giới lực và định lực cần phải lớn cỡ nào. Nếu sức mạnh của giới định tuệ vẫn không đủ, không vững chắc thì bạn ở trong đó sẽ hết sức nguy hiểm, thế nên chư Phật đều rất lo lắng.

Trong thời mạt pháp, người xuất gia sau cùng trở về nhà cũng không ít, đều vì không kháng cự được sự dụ hoặc của hoàn cảnh bên ngoài, trong tâm lại có tập khí phiền não hừng hực thiêu đốt, cho nên trong ngoài cùng công kích thì sẽ bị đánh bại. Nếu tỳ-kheo ở trong rừng núi, hết việc nằm không, dừng hết tất cả duyên đời, việc gì cũng không cần làm, việc phải làm mỗi ngày là ra ngoài lao tác, lao động xong thì quá đường ăn cơm, ăn cơm xong thì tu học: hoặc đọc kinh, hoặc tụng giới, hoặc tu thiền định, niệm Phật, bái sám v.v., hoặc thâm nhập kinh giáo v.v., an trụ thanh tịnh, không có nhiễm duyên, chư Phật đều rất hoan hỷ. Cho nên muốn chân chánh tu hành thì người sơ học vẫn nên trụ ở núi rừng, trụ nơi vắng lặng.

Hiện nay do kinh tế phát triển, dân số cũng nhiều. Tự viện thời xưa vốn ở nơi vắng lặng, hiện nay đều biến thành tụ lạc, xung quanh đều có nhà dân, thậm chí rất nhiều đạo tràng còn xây dựng ở trung tâm đô thị. Kiểu Phật giáo phố thị này nếu so với Phật giáo truyền thống nơi núi rừng thì đương nhiên tiện lợi cho việc hoằng pháp lợi sanh hơn. Bởi vì đạo tràng ở thành thị rất hưng vượng về nhân sự, khói hương nghi ngút, kẻ đến người đi, muốn giới thiệu Phật pháp hoặc giảng kinh thuyết pháp cho họ thì người đến cũng rất nhiều, đây là mặt tốt của kiểu đạo tràng này. Thế nhưng việc này đối với người sơ học mà nói sẽ phát sinh tệ đoan. Tệ đoan gì? Chính vì quá nhiều người lui tới nên tâm cũng động theo, không thanh tịnh. So sánh với nhau, đạo tràng ở núi rừng xa đô thị, về phương diện hoằng pháp tuy không tiện lợi bằng đô thị, nhưng tiện cho việc tu hành. Hai kiểu đạo tràng đều có lợi và hại, chúng ta phải lựa chọn thế nào? Nếu bản thân chúng ta là sơ học, vẫn chưa thành tựu giới định tuệ, không cần nói đến khai trí tuệ, thiền định vẫn chưa đạt được, thậm chí ngay cả nền tảng của giới vẫn chưa đủ vững chắc, vậy trước hết nên trụ chốn núi rừng, nhất là phải nương vào tăng đoàn như pháp như luật, trước tiên xây nền móng cho tốt, trì giới tu định. Trên nền tảng trì giới, giới đã thanh tịnh rồi, lại tu tập thiền định thì thiền định mới không bị ma chướng.

Tu thiền định, bất kỳ tông phái nào cũng đều tu thiền định, thông thường đều gọi là “chỉ quán”. Tu chỉ quán tức là tâm bạn phải chuyên chú vào một cảnh giới,

buộc tâm vào một cảnh, tâm không được duyên nhiều cảnh, như vậy mà chuyên chú vào một cảnh giới. Ví dụ đơn giản nhất là quán hơi thở, trước tiên thông qua việc đếm hơi thở ra vào của mình, từ một đếm đến mười, chuyên chú vào cảnh giới hít vào thở ra này có thể khiến tâm của mình chuyên chú, có thể điều phục, hàng phục được vọng tưởng, thời gian lâu thì cũng được định. Chúng ta niệm Phật cũng như vậy, rất giống với đếm hơi thở, chúng ta đếm Phật, không đếm hơi thở, cũng là đếm từ một đến 10. Thông qua việc đếm Phật hiệu cũng có thể khiến tâm chuyên chú, thời gian lâu dần cũng có thể được định, định của niệm Phật chính là nhất tâm bất loạn. Trên nền tảng định công này cộng thêm việc nghiên cứu học tập kinh giáo Đại thừa, nghiên cứu học tập năm kinh một luận, đặc biệt là Di-đà Yếu Giải. Di-đà Yếu Giải trên thực tế là dung hợp trí tuệ bát-nhã vào niệm Phật, hoặc dùng lời khai thị của quốc sư Trung Phong trong tam thời hệ niệm, trong đây đều là thiền tịnh song tu. Kỳ thực Tịnh độ và Thiền chẳng phải hai, nói song tu thì dường như có hai, nhưng chúng là một, không phải hai. Tịnh độ cũng là chỉ quán, thiền quán này là gì? Có thể hiểu rõ đạo lý “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”.

Một niệm tâm hiện tiền của chúng ta đây, cái tâm năng niệm này chính là lấy tâm tánh làm thể, cho nên thể ấy chính là Phật; Phật hiệu mà chúng ta niệm, thể của nó cũng là tâm tánh cho nên năng niệm và sở niệm không hai. Thông qua việc quán như thế, lúc niệm hiệu được đạo lý này, hiệu là được rồi, không cần suy nghĩ. Hễ suy nghĩ thì lại là vọng tưởng, ngoài Phật hiệu ra còn có thêm vọng tưởng, đừng suy nghĩ, chỉ cần bạn hiệu là được, cứ thế mà niệm. Khi bạn trải qua việc tu tập định như vậy, tâm định lâu rồi, trong một lúc bất chợt, trí tuệ liền hiện tiền. Không phải do suy nghĩ mà được, cũng không phải do bạn tư duy mà được. Nói cách khác, không phải dùng ý thức thứ sáu của bạn để lôi trí tuệ ra, không phải ý thức thứ sáu dẫn ra. Ý thức thứ sáu chỉ duyên vào việc niệm Phật hiệu, an trụ vào Phật hiệu là được, tác dụng của ý thức thứ sáu chính là tu định, định nơi câu Phật hiệu.

Còn trí tuệ bát-nhã thì xuất hiện như thế nào? Ngay khi ý thức thứ sáu của bạn an trụ bất động vào Phật hiệu, thì trí tuệ bát-nhã tự nhiên phát khởi, đây gọi là “cảm phát”, không phải do bạn suy nghĩ ra. Cho nên, nếu không có định thì chắc chắn không thể phát tuệ, tuệ từ định phát ra. Thế nhưng tuệ này, giai đoạn đầu cũng cần thông qua học tập, phải hiểu rõ thì mới có thứ để phát ra, bằng không chẳng có gì để phát cả. Giống như phải có một hạt giống gieo vào trong đất, tưới nước cho nó, bón phân cho nó, nó mới từ từ phát triển. Nếu hạt giống cũng không có thì chẳng có gì

để phát triển, chỉ có định không thôi thì chẳng có tuệ. Thế nên chúng ta tu học đều phải có kinh giáo và niệm Phật, giải và hành đều quan trọng, phải định tuệ đẳng trì, chỉ quán song vận.

Về quán môn, nói đơn giản thì quán về mặt sự chính là duyên niệm câu Phật hiệu này; quán về mặt lý chính là trong khi duyên niệm Phật hiệu biết rõ tâm này là Phật, hiện nay tâm này đang làm Phật, có thể hiểu đạo lý này là được. Ngược lại, tâm này làm Phật, tâm này chính là Phật, ngay lúc niệm Phật, tâm này chính là Phật, đây chính là lý trì. Lý trì vẫn là trì danh, sau khi hiểu rõ lý thì trì danh gọi là lý trì; không rõ lý chính là không có tuệ, chỉ có mỗi định, nếu không rõ lý mà trì danh thì đây gọi là sự trì. Nếu bạn lý trì thì đương nhiên càng dễ khai ngộ, thế nhưng niệm Phật thù thắng ở chỗ, cho dù không hiểu lý, chỉ thông qua sự trì cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, trí tuệ của tự tánh cũng sẽ lưu lộ. Cho nên đừng hết duyên đời mà an trụ, đây là điều khẩn yếu nhất đối với đạo nghiệp. Sợ nhất chính là mãi dao động, bởi vì mãi dao động nên tâm cũng dễ phập phồng xao động.

Đương nhiên nếu bạn là một người tu lâu, tức là bạn đã có năng lực dù ở trong bất kỳ cảnh duyên nào, tâm cũng không loạn động, vậy thì vào tụ lạc cũng không sao. Đối với bạn mà nói nơi nào cũng là đạo tràng, mọi lúc đều đang tu hành, đương nhiên núi rừng hay đô thị đều bình đẳng, đều là nơi chốn tốt để bạn dụng công. Bạn đều có thể trong không động tâm, ngoài không dính tướng, biết rõ hết thấy pháp như mộng như huyễn, đều có thể buông xuống. Tâm thanh tịnh thì “đi qua cả bụi hoa, thân không dính mảnh lá”, việc này không thành vấn đề. Thế nhưng điều tôi nói ở đây là chỉ cho người sơ học. Giới sa-di, dĩ nhiên sa-di vừa mới xuất gia nên đều là sơ học, trước tiên nên an trụ nơi tịch tĩnh. Cho dù bạn ở nơi núi rừng tịch tĩnh đánh một giấc, hoặc là nằm không thì chư Phật cũng hoan hỷ, ít ra bạn sẽ không phạm giới, bạn chỉ là giải đãi một chút thôi, không có nguy hiểm quá lớn. Thế nên chư Phật tha để bạn nằm ngủ nơi núi rừng, cũng không muốn bạn ở tụ lạc mà tinh tấn, sợ bạn chịu không nổi dụ hoặc mà xảy ra vấn đề. Sau khi chúng ta hiểu được những điều này thì bản thân cần phải cẩn thận phòng hộ, thời kỳ mật pháp ma mạnh pháp yếu, nếu phước báo và trí tuệ của mình không đủ, định lực kém cỏi mà ở nơi duyên trần ô nhiễm thì có thể nói là không ai không đọa lạc. Tiếp theo là câu thứ hai:

“Không được đi nhanh.”

“Đi nhanh” chính là đi băng băng, là chạy bộ. Chúng ta đi đường không được có dáng vẻ đi như chạy, đi đường phải có oai nghi của người xuất gia. Người tại gia,

chúng ta thấy người có phúc đức họ đi đường đều an tường; người không có phước báo, họ đi đường, làm việc, nói năng đều gấp gáp. Tục ngữ có câu, gọi là “chân đi không chạm đất”, không có phước báo, không điềm đạm. Người có phước báo tự nhiên sẽ điềm đạm, nói chuyện cũng chậm rãi, đi đường, làm việc đều không hấp tấp vội vã, có chuẩn mực oai nghi. Đệ Tử Quy cũng nói “làm chớ vội, vội sai nhiều”, đừng luôn nói năng, làm việc một cách hấp tấp. Nếu luôn vội vàng hấp tấp thì tâm ấy hời hợt bộp chộp.

Đương nhiên không hấp tấp vội vàng chẳng phải là chúng ta làm việc chậm rề rề, cũng không phải ý như vậy. Chúng ta xem Khổng lão phu tử nói: “Quân tử làm việc nhanh nhạy nhưng nói năng cẩn trọng.” Làm việc phải nhạy bén mau lẹ, nhanh nhạy không phải là hối hả gấp gáp, bởi vì họ đã có sự chuẩn bị rất tốt từ trước, “việc làm có dự liệu ắt thành công”, làm việc gì trước hết phải suy nghĩ cho kỹ. Họ cũng không phải luôn ở trong trạng thái vô minh, sự việc xảy ra trước mắt rồi mới suy nghĩ nên làm thế nào, làm như vậy thì chắc chắn sẽ vội vàng hấp tấp. Không có kế hoạch, không có phương pháp, làm càn làm bừa thì đa phần đều gặp sự cố, đều thất bại. Thế nên, trước khi làm việc phải suy tính kỹ càng, hoạch định rõ ràng thì khi bắt tay làm tự nhiên sẽ không hoang mang rối rắm, sẽ có thứ lớp trật tự, oai nghi của bạn tự nhiên sẽ hiện ra.

Nếu có việc thật sự làm không kịp thì làm thế nào? Không kịp lên kế hoạch, không kịp đi làm thì thà rằng đừng làm, trước hết để qua một bên, có câu “tử tôn ắt vẹn toàn”. Không phải là một mực phải làm ngay hôm nay, làm ngay bây giờ, không phải vậy. Có thể gác lại hai ngày, thông thả thì sự việc càng viên mãn, những phương diện mà ban đầu vốn không nghĩ ra, hiện nay đã suy nghĩ ra rồi. Cho nên đi đường, làm việc đều như vậy, không được gấp gáp, đây gọi là nguyên nhân của việc “không được đi nhanh”. Đi ở đây không phải chỉ là dùng hai chân đi, mà bao gồm cả lái xe hơi, đi xe đạp v.v. cũng gọi là đi. Về việc lái xe, đương nhiên thông thường chúng xuất gia nếu có cư sĩ tại gia thì để cư sĩ tại gia lái xe sẽ tốt hơn, nếu thực sự không có cư sĩ tại gia thì chúng ta tự lái, việc này xem như cũng được. Đương nhiên khi lái xe nhất định có lúc phải nhìn trái nhìn phải để tìm đường, việc này có chút không phù hợp oai nghi, bởi vì người xuất gia đi đường không liếc trái nhìn phải, nhưng khi bạn lái xe thì không thể không quan sát trái phải. Lái xe cũng được, đi xe đạp cũng được, nhưng không được ngồi xe bò, xe ngựa, xe của súc vật. Khi đi xe đạp, bạn có thể tự đạp nhưng cũng không được đi nhanh, chạy tốc độ thì sai rồi. Tốc độ quá

nhANH sẽ nguy hiểm, dễ gây tai nạn. Những oai nghi này thấy đều từ trong hành vi điềm đậm từ tốn chậm rãi mà thể hiện ra. Được rồi, chúng ta xem câu tiếp theo:

“Không được đi vung tay.”

“Vung tay” chính là thông tay xuống rồi phát cánh tay, phát ra trước và sau, gọi là đi đứng nghênh ngang, đây là loại hành vi thái độ phóng túng. Người tu hành quan trọng nhất chính là “thường luôn nhất tâm, niệm dứt chướng ngại”, “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, phải thu nhiếp chặt thân tâm, làm việc gì cũng đều chú tâm cẩn thận, đây chính là oai nghi. Nếu chúng ta không chú tâm cẩn thận, ví dụ cầm đồ vật sẽ dễ đánh rơi. Nếu bạn ở tông lâm xưa, ví dụ bạn là duyệt chúng, cầm pháp khí, nếu đánh rơi xuống đất thì sư phụ duy-na sẽ phạt nặng. Vì sao vậy? Bạn đã vi phạm oai nghi một cách nghiêm trọng. Lại ví dụ, nếu kinh sách và cà-sa của chúng ta rơi xuống đất, điều này chứng tỏ bạn không cẩn thận giữ gìn, lúc đó ý niệm của bạn đã mất tập trung, tâm bạn không để ở đó, sáu căn của bạn chắc chắn đã phan duyên với cảnh giới sáu trần bên ngoài, nên không nhiếp giữ được tự tánh của mình, việc này sẽ bị đánh bằng hương bản.

Thế nên, tu hành là tu điều gì? Chính là nhiếp trọn sáu căn. Sáu căn chính là thân khẩu ý, thân khẩu ý của bạn có thể thu nhiếp lại, đây chính là trì giới. Trì giới, bạn muốn học trì giới là học điều gì? Chính là học thu nhiếp thân khẩu ý. Nếu thu nhiếp được thân khẩu ý thì nhờ giới mà được định. Do vậy trong Pháp Uyển Châu Lâm có nói: “Ngũ cái che tâm, cửa thiền đã đóng, tâm niệm sáu trần, loạn tướng ruổi rong, như voi điên không móc, tợ vượn giỡn trên cây, chưa từng thấy kẻ đi nhanh mà cất bước đàng hoàng.” Trong Pháp Uyển Châu Lâm chính là nói đến đoạn này, nói về ngũ cái, ngũ cái chính là năm thứ chướng ngại che lấp chân tâm chúng ta, đây đều thuộc về phiền não.

Thứ nhất là chướng ngại của tham dục. Ví như một người tham dục mạnh mẽ, đối với năm món dục tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ đều rất mặn nồng, trong tâm luôn suy tính muốn đạt được năm món dục này, chướng ngại của tham dục rất nặng, che lấp mất thiền định và trí tuệ của họ, người này chắc chắn rất khó đắc thiền định. Sẽ không có thiền định, cửa thiền đã đóng, cánh cửa thiền định này đã đóng lại rồi. Cửa thiền định đã đóng thì cửa trí tuệ cũng đóng theo, bởi vì tuệ phát sinh từ định. Không có định làm sao có tuệ? Cho nên điều đầu tiên phải tu ít muốn biết đủ. Nếu người có thể ít tham muốn thì tâm sẽ thanh tịnh: từ sáng đến tối họ sẽ không suy nghĩ phải ăn thứ gì, uống thứ gì, đi đâu chơi, thậm chí nghĩ đến tài, đến

sắc, đến danh, việc danh việc lợi. Những sự việc này đều là ô nhiễm, đã chướng ngại che lấp chân tâm.

Thứ hai là chướng ngại của sân giận. Người tâm sân giận nặng, đương nhiên sân giận cũng có gốc rễ, gốc rễ là gì? Ngạo mạn. Tâm ngạo mạn nặng thì tâm sân giận cũng chắc chắn nặng. Nếu không hợp ý họ thì liền sanh khởi sân giận, thường xuyên nổi cáu, hoặc nếu không nổi cáu thì trong tâm họ có sự đối lập, xung đột, mâu thuẫn, thậm chí oán hận v.v., đây đều là sân giận. Biểu hiện ra bên ngoài là sân, không biểu hiện ra bên ngoài mà ngọn lửa sân chôn giấu trong lòng thì đó thuộc về giận. Những tập khí này cũng che lấp thiền định và trí tuệ. Thế nên nếu chúng ta muốn tu niệm Phật nhất tâm bất loạn, thì ít nhất phải được công phu thành phẩm, đây chính là thiền định. Bạn làm thế nào đạt được loại thiền định này? Trước hết bạn cần phải đối trị năm thứ chướng ngại này. Xem coi mình vẫn còn cái nào, tham dục, sân giận, còn có trạo hối, thù miên và nghi. Nếu có những thứ này thì cần trừ bỏ chúng; nếu không trừ chúng thì không thể được nhất tâm bất loạn. Dù bạn mỗi ngày tinh tấn nỗ lực đến đâu, nhưng vì chướng ngại của nghiệp chướng quá nặng nên vẫn không cách nào thành tựu thiền định.

Thứ ba là chướng ngại của trạo hối. “Trạo” là thuộc về trạo cử, trong tâm có rất nhiều cách nghĩ, vọng tưởng chất chồng, đây gọi là “trạo cử”, tâm chẳng thể định. Loại người này thông thường thế nào? Họ có rất nhiều cách suy nghĩ, thường xuyên bất chợt có những suy nghĩ kỳ lạ. Còn có “hối”, hối hận rất nhiều, làm xong việc rồi thường xuyên hối hận, ý niệm hối hận này bản thân nó cũng là một căn nguyên của vọng tưởng. Con người vì sao thường khởi vọng tưởng? Chính là vì không buông được những tâm tư này, tâm lượng cũng không đủ lớn. Người tâm lượng lớn sẽ rộng lượng mà không câu nệ. Ví dụ làm sai rồi thì lần sau đừng làm nữa, không cần cứ mãi ở đó hối hận, càng không cần nghĩ đến những việc trước đây người này đối với mình tốt, hoặc người kia đối với mình không tốt. Có ân thì phải đi báo ân, có thù còn phải đi báo thù, vậy tâm của bạn sao có thể thanh tịnh được? Thế nên những trạo hối này đều cần trừ bỏ. Trong việc này cũng cần dùng trí tuệ để quán sát, “quán các pháp như huyễn hóa”, tất cả hiện tượng của vũ trụ nhân sinh đều là mộng huyễn bọt bóng, không đáng để chúng ta hao phí tâm tư, không đáng để chúng ta vì chúng mà lo lắng hối hận. Việc quá khứ đã qua rồi; việc tương lai vẫn chưa tới, cũng không cần suy nghĩ lo toan; hiện tại, bản thể của hiện tại chính là mộng, chính là không, hãy buông xuống, bạn xem tâm thanh tịnh biết bao. Nếu sự việc đến thì tùy duyên mà làm,

đương nhiên tùy duyên chẳng phải là tùy tiện, vẫn phải làm hết lòng, nắm chắc hiện tại. Chẳng phải vừa nghe đến tùy duyên thì chúng ta liền tùy tiện, dù sao thế nào cũng được, đều là không, là giả mà, vậy là bạn lại sai rồi.

Tuy là không, là giả, nhưng nhân quả là thật, cảnh duyên này sẽ nối tiếp chẳng hề không. Ý niệm tùy tiện này của bạn sẽ chiêu cảm quả báo không tốt, bởi vì tâm này của bạn là tâm khinh mạn, khinh mạn là phiền não, là tâm sở ác, chắc chắn nó sẽ chiêu cảm ác báo. Ví dụ bạn khinh thường pháp thì tương lai bạn sẽ không có pháp, không có nhân duyên học Phật pháp; bạn khinh thường giới thì tương lai bạn chắc chắn sẽ phạm giới, phá giới, muốn thọ giới lại cũng không được; bạn khinh thường thiện tri thức thì tương lai bạn sẽ không có thiện tri thức. Đây là nhân ác chiêu cảm quả ác, việc này không được tùy tiện, phải tùy duyên, tùy duyên là hết lòng mà tùy duyên. Biết rõ nó là giả nhưng vẫn phải làm hết lòng, không được có tâm trạo hối, dụng tâm như gương, việc đến thì hết lòng làm, việc xong rồi liền buông xuống. Nhân duyên qua rồi, đã sang một trang mới thì đừng nghĩ đến nó nữa; tương lai có những khuynh hướng gì biết đại khái một chút là được rồi, không cần suy nghĩ suy tư quá cận kề, tùy theo sự thay đổi của nhân duyên mà hành xử là được. Nếu bạn định sẵn một hình mẫu, tương lai sự việc phát triển không như bạn tưởng tượng, vậy bạn đã suy nghĩ uổng công. Vả lại hình mẫu mà bạn dự định, tương lai vẫn chưa chắc có thể thực hiện, chưa chắc bạn có thể nhanh chóng chuyển theo nó, cũng không chắc sẽ chuyển sang được, cho nên tốt nhất là đừng định sẵn hình mẫu, tùy duyên thì tự tại.

Tiếp theo là chương ngại của thù miên. Đây cũng là chương ngại lớn, rất nhiều người tu hành, họ cũng muốn tinh tấn, nhưng thế nào cũng không thể tinh tấn nổi, mỗi khi đến giờ nghe pháp, đến giờ dụng công là họ ngủ gật, lại còn ngủ say hơn bình thường. Không dụng công còn đỡ, một khi dụng công thì thực sự là đang ở đó ngủ, bị thù miên chương ngại rất nặng, loại người này cũng không có thiền định, trí tuệ. Phải biết rằng ngồi thiền không phải là ngủ, tâm tọa thiền khi đó vô cùng sáng suốt, họ đều rõ ràng sáng tỏ, đối với cảnh giới không hàm hồ, không mơ hồ chút nào. Còn thù miên chính là dùng tâm sở vô ký, là trạng thái vô minh. Chương ngại này thậm chí còn khó hàng phục hơn tham dục, sân giận và trạo hối, cho nên tĩnh tọa trong thiền đường gọi là ngồi kiết già, đến một thời gian nhất định sẽ cảm thấy đau, không quen thì sẽ đau. Đau chỉ là đau chốc lát, sợ nhất là không đau, không đau là

thế nào? Bạn ngủ mất rồi. Ngủ say rồi thì cả người đã chìm vào trong vô minh, tăng trưởng nghiệp vô minh.

Làm thế nào khắc phục thù miên? Trong kinh có dạy chúng ta, ví dụ bạn có thể kinh hành, có thể phát thệ nguyện lớn nhằm đề khởi tinh tấn, người xưa còn “tóc cột xà nhà, dùi đâm vào vế”, dùng cách này để đối trị thù miên, đều bởi vì họ lập chí lớn. Người xuất gia, người tu hành chúng ta phải phát tâm lớn cầu xuất ly, phát tâm đại bồ-đề, chí hướng này vượt hơn những bậc hiền sĩ tại gia. Nếu bạn không tinh tấn nổi, còn rơi vào tình trạng thù miên thì bản thân phải thống thiết tự trách. Đương nhiên khi buồn ngủ thật sự thì làm thế nào? Bạn có thể lấy nước lạnh rửa mặt, hoặc dùng tay xoa xoa mặt, nắm kéo hai tai để đầu óc lưu thông khí huyết, hoặc là xoa trên đầu một chút, khi xoa nóng thì khí huyết lưu thông, chất dinh dưỡng đầy đủ thì đầu óc sẽ tỉnh táo. Hoặc là đứng dậy lạy Phật, lạy Phật cũng tiêu trừ nghiệp chướng, đồng thời thông qua kiểu vận động thân thể này, khí huyết được lưu thông, họ cũng có thể tiêu trừ thù miên, kinh hành cũng có thể được.

Về nghi chướng, chướng ngại của hoài nghi chính là tâm nghi ngờ quá nặng. Nhất là hoài nghi đối với pháp, đối với thiện tri thức, đây là chướng ngại lớn trong tu hành. Vì sao vậy? Bởi vì quan trọng nhất trong tu hành là thiện tri thức, có thể thành tựu hay không thì thật sự dựa vào sự dẫn dắt của thiện tri thức, nếu chúng ta hoài nghi đối với thiện tri thức thì bạn chắc chắn không thể y giáo phụng hành 100%, đây chính là chướng ngại. Thông thường sự hoài nghi này đều có ngoại duyên làm ảnh hưởng, ví dụ khi bạn nghe thấy bên ngoài có những lời bóng gió, tin đồn thất thiệt về thiện tri thức, bạn liền bị nó ảnh hưởng, theo đó mà hoài nghi, những lời bên ngoài nói có thật hay không, mang tâm hoài nghi để quan sát thiện tri thức, càng nhìn càng cảm thấy đáng nghi. Đó chính là phiền não tăng trưởng, tâm không thanh tịnh. Nếu đối với thiện tri thức mà tâm không thanh tịnh thì lòng tin đối với pháp mà thiện tri thức nói cũng không thanh tịnh, ai là người bị tổn hại? Vẫn là chính mình. Cho nên chướng ngại lớn nhất của Bồ-tát chính là nghi.

Trong tất cả pháp môn, pháp môn khó tin nhất chính là pháp môn Tịnh độ, Phật nói đây là pháp khó tin. Đã là pháp khó tin, nếu lòng tin chúng ta hơi bị dao động thì sẽ không vào được. Cho dù bạn tu tốt đến đâu, nhưng bên trong bạn có hoài nghi xen tạp, vậy tín căn của bạn không thanh tịnh, nhiều nhất thì chỉ có thể đến Biên địa nghi thành, bạn không thể vào Tịnh độ. Bạn xem, việc này tổn hại lớn biết bao cho nên chúng ta tu hành trước tiên phải trừ nghi, không được thường sanh ý niệm

ngghi ngờ, ý niệm nghi ngờ vừa khởi thì ngay lập tức phải tiêu diệt nó. Thường sanh tâm hồ thẹn và tâm sám hối, sao ta lại sanh tâm nghi ngờ này chứ, loại phiền não này phá hoại chánh tín chánh niệm của ta, phá hoại hạt giống bồ-đề của ta, phá hoại pháp thân huệ mạng của ta, không được lại để phiền não này tăng trưởng, dùng sức hồ thẹn và sám hối để tiêu trừ nó. Ta khởi lên nghi ngờ, đây là nghiệp chướng của ta, phải đoạn trừ nghiệp chướng này. Đại sư Ấn Quang nói: “Xem tất cả mọi người đều là Bồ-tát, chỉ một mình ta là phàm phu”, ta có tư cách gì để hoài nghi, hoài nghi người thông thường đã không đúng, huống hồ hoài nghi thiện tri thức, nghi ngờ pháp môn. Tất cả mọi người đều là Bồ-tát, mình đối với Bồ-tát sao có thể nghi ngờ? Đối với thiện tri thức, trong kinh A-nan Vấn Sự Phạt Kiết Hung nói “phải xem thầy như Phật”. Xem thiện tri thức như Phật vậy, thầy thay Phật đến giáo hóa ta. Lẽ nào ngay cả Phật mà ta cũng hoài nghi sao? Có ý niệm hoài nghi, đó chính là nghiệp chướng, phải tự trách và sâu sắc sám hối, đi sám hối, cầu sám hối.

Cho nên ngũ cái đã ngăn che thiện định và trí tuệ của chúng ta, phải trừ bỏ chúng, bằng không cửa thiện sẽ đóng kín, chúng ta muốn tu hành có thành tựu sẽ không có hy vọng. Sáu trần: sắc thanh hương vị xúc pháp, nếu trong tâm niệm của chúng ta không buông xuống được, mắt nhìn thấy sắc liền khởi lên phân biệt, tốt xấu, đây là người tốt, kia là người không tốt, người này có vấn đề. Hoặc từ “sắc” trong hoàn cảnh, bao gồm tất cả thứ mà mắt chúng ta nhìn thấy, như hoàn cảnh, điều kiện tốt, không tốt, ở trong đó khởi phân biệt, đây chính là đang niệm sắc trần. Về âm thanh, âm thanh này nghe có hay không? Âm thanh này là đang khen ngợi ta hay là đang chê bai ta? Liền ở trong đó sanh khởi phân biệt, yêu ghét, đây là đang niệm thanh trần. Những hương vị xúc pháp, pháp chính là chỉ cho pháp trần mà ý căn duyên niệm. Những thứ này ở trong ý niệm của chúng ta sẽ khiến cho loạn tưởng thường rong ruổi, vọng tưởng hỗn loạn thường xuyên rượt đuổi, mỗi niệm tiếp nối nhau, như voi điên không có khóa móc để cột lại, nó liền dẫm đạp phá hoại khắp nơi.

Sức sát thương của vọng tưởng quả thực rất mạnh, ví dụ nói, khi chúng ta hoài nghi một người nào đó, sau đó sẽ sanh ra rất nhiều vọng niệm, nghĩ người đó rốt cuộc là thế nào? Sau đó tìm chứng cứ để chứng minh cho ý niệm hoài nghi này của mình, xem coi họ thật sự có giống như mọi người nói hay không, đi tìm chứng cứ, liền theo duyên mà niệm về cảnh giới đó. Sau đó càng tìm thì càng thấy giống như vậy, đến sau cùng thì trở thành sự thật, bèn tin cho là thật, lực sát thương của vọng tưởng rất mạnh. Giống như thời xưa, rất nhiều bậc trung lương bị đế vương vô cớ ban tội chết,

đều bởi vì tâm nghi ngờ của đế vương, sau đó sanh khởi rất nhiều vọng tưởng, còn cộng thêm những lời nói của người khác làm trợ duyên, nên họ xem điều này là thật. Lại như khi vượn ở trên cây, khi ở trên cây trèo tới trèo lui, không cách gì khống chế nó được. Điều này đại biểu cho tâm của chúng ta, tâm ấy là vọng tâm, vô cùng vọng động, không thể điều phục nổi. Vì có tâm vọng động này nên đương nhiên biểu hiện ra hành vi vọng động, cho nên tự nhiên sẽ có hiện tượng rượt đuổi này phát sinh.

Còn có “đi vung tay”, đi vung tay chính là động tác phóng dật, trạng thái này đều không có dáng đi tốt, chính là không có oai nghi tốt. Trong bốn oai nghi của người xuất gia, đi đứng ngồi nằm, đây là đi, đi đường phải an tường từ tốn, đi chậm rãi là được, đi nhẹ nhàng, đi như gió, gió này giống như gió nhẹ, không phải là bão cấp 12. Nếu tâm vọng động bất an thì bạn không thể đi rất có oai nghi, bạn không an tường. Cho nên chúng ta cần hàng phục vọng tâm của mình, chỗ hạ thủ vẫn là thông qua việc chú trọng oai nghi của chính mình. Làm tốt oai nghi rồi thì cũng có thể giúp bạn điều phục tâm, giống như voi điên, bạn lấy khóa móc cột nó lại, khóa chặt lại, lại cột một sợi xích vào con khi. Tuy nó vẫn đi khắp nơi, chạy khắp nơi, nhưng nó cũng bị hạn chế trong một phạm vi, sẽ không quá ngang ngược. Tiếp theo chúng ta xem câu thứ tư:

“Không được liếc ngó người và vật bên đường, thân phải đoan nghiêm, mắt nhìn thẳng về phía trước mà đi.”

“Liếc ngó” chính là nhìn về hai bên trái phải. Khi đi đường không được nhìn trái liếc phải, chính là vừa đi vừa nhìn sang hai bên đường. Điều này biểu hiện tâm của chúng ta tinh thần u ám hỗn loạn, vả lại nếu phía trước có chướng ngại vật thì bạn chưa chắc có thể nhìn thấy, một khi va vào, ngã sõng soài, hoặc đụng vào người khác, những việc này đều rất mất oai nghi. Cho nên khi đi đường cần phải uốn ngực, thẳng lưng, hai mắt nhìn thẳng về phía trước, nhưng không được ngẩng đầu quá cao, quá cao là một loại tướng ngạo mạn. Hai mắt nên hơi khép nhẹ, chỉ nhìn về phía trước khoảng bảy thước, đi đường như vậy, nếu phía trước có nguy hiểm gì đều có thể nhìn thấy rất rõ ràng, tuyệt đối sẽ không va vấp, té ngã. Khi đi đường, tâm đặt ở việc đi đường, đừng nghĩ đến việc khác. Có thể niệm Phật trong tâm, nhưng không được khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng thì dễ vấp ngã, thông thường vấp ngã đều là do tâm lơ đãng mà ra. Cho dù gặp người thân quen, người mà bạn quen rất thân thiết, bạn cũng không cần nhìn sang hai bên. Đương nhiên nếu muốn chào hỏi thì cũng được, hãy dừng lại, niềm nở mỉm cười với họ, chấp tay, xá chào, xá chào bao gồm

chào hỏi, sau đó mắt lại nhìn thẳng về phía trước mà đi. Không được vừa đi vừa ngoái đầu chào hỏi người, việc này cũng không có oai nghi.

Cho nên ở đây nói đến “thân phải đoan nghiêm, mắt nhìn thẳng về phía trước mà đi”, nhìn về trước là tâm chánh trực, thế nên đường họ đi cũng là chánh trực. Người hiền đức thời xưa nói “không đi lối tắt”, lối tắt là đường nhỏ, đường tắt gần, đi đường nên đi đường chính, trừ khi không có đường chính, bắt buộc mới đi đường tắt nhỏ. Nếu có đường chính để đi thì chúng ta nên đi đường chính, bởi vì đường nhỏ thuộc về đường quanh co, chúng ta không được tùy tiện đi. Thế nên quân tử, bạn xem “không đi lối tắt”, không đi đường quanh co, thà đi xa vài bước cũng phải đi đường chính. Nếu con đường này đi về phía trước phải rẽ quẹo, dù là rẽ góc 90 độ, chúng ta cũng nên đi đến góc vuông đó rồi mới rẽ hướng, không được băng qua bãi cỏ ở giữa, đạp lên cỏ xanh mà đi lên trước, đi lối tắt, như vậy là không có oai nghi. Tiếp theo là câu thứ năm:

“Không được cùng người trẻ tuổi vừa đi vừa cười nói.”

Đây cũng là một oai nghi đi đường của chúng ta. Không được cùng người trẻ tuổi vừa đi vừa cười nói, bàn luận cười giỡn, như vậy sẽ khiến thân tâm của mình tán loạn, vả lại người khác nhìn thấy chúng ta làm như vậy, cũng khiến họ khó sanh khởi tâm cung kính, bởi vì bạn không đủ oai nghi. Oai nghi này là do Phật chế định, dựa vào tánh đức của chúng ta mà chế định, cho nên bạn có thể giữ oai nghi, đây chính là tánh đức. Đã là tánh đức thì ai ai cũng có, tuy họ làm không được, nhưng họ nhìn thấy bạn làm được, họ sẽ sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm cung kính. Nếu chúng ta chú trọng oai nghi như vậy sẽ khiến người không tin Phật pháp sanh khởi tín tâm, người đã tin Phật pháp thì kiên cố tín tâm. Bạn xem, công đức trì giới thù thắng như vậy, nó có công năng hộ trì chánh pháp.

Ngược lại, nếu bạn đối với giới luật và oai nghi không chú trọng, còn tùy tiện thì sẽ có lỗi lầm. Nhất là ở trước mặt đại chúng, chúng ta phải giữ giới ngăn ngừa sự nghi ngờ chê trách, nghĩ đến hành vi này của chúng ta, cử chỉ này của chúng ta có thể sẽ khiến người khác nghi ngờ chê trách. Họ nghi ngờ chê trách cũng chưa chắc sẽ nói ra, “chê trách” là nói lời chê bai, hủy báng. “Nghi ngờ” chính là trong tâm họ cho rằng việc này không đúng, không cho là như vậy, đó chính là nghi ngờ, cách nghĩ tuy vi tế nhưng đều phá hoại tín tâm của họ đối với tam bảo. Cho nên chúng xuất gia chúng ta giữ tâm từ bi thì phải “đầy đủ các giới, không phạm oai nghi”, đây là nhân mạnh đến tam phước trong Quán kinh. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói “khéo

giữ thân nghiệp, không mất luật nghi”, đây chính là tâm từ bi của bạn, bạn bảo hộ tâm ý của mọi người, khiến tâm của họ thanh tịnh, không sanh khởi hoài nghi, thậm chí tâm thái chán ghét, như vậy sẽ khiến họ tạo tội lỗi. Do vậy đi đường cố hết sức đừng cười nói, trừ khi thế nào, sau bữa cơm, nếu như đi dạo, đi dạo không phải là đi đâu, chỉ là đi tản bộ xung quanh, vả lại phải đi chậm hơn lúc đi bình thường, lúc này vừa đi vừa nói về Phật pháp, việc này cũng có thể. Không được nói những lời cười đùa của thế gian, bản thân cười đùa chính là lỗi lầm, nói những lời vô nghĩa, đây đều thuộc về nói lời thêu dệt. Lại xem câu kế tiếp:

“Không được cùng đi trước hoặc sau người nữ.”

Đây là nói chúng xuất gia, không được đi trước hoặc sau cùng với người nữ, chính là cùng đi một cách thân mật, thậm chí là đi một mình, không có người đi cùng, đây chính là phạm giới. Phạm giới gì? Chính là giới nghi ngờ chê trách. Người ta nhìn thấy, họ sẽ sanh khởi ý niệm: “Hai người quý vị đang làm gì vậy, đang nói gì vậy?” Do vậy lúc đó nên tìm ít nhất một người cùng đi. Tỳ-kheo, sa-di nên tìm một cư sĩ nam đi cùng; tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ni, sa-di-ni nên tìm một cư sĩ nữ cùng đi, đi đường như vậy sẽ không dẫn khởi sự nghi ngờ chê trách.

Trong giới tỳ-kheo có nói đến không được “hẹn đi cùng đường, thậm chí vào tụ lạc” với người nữ, nếu như phạm là phạm tội ở chương ba. Cùng người nữ ở đây là chỉ cho một người nữ, thậm chí nhiều người nữ thì đều phạm như nhau. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy, nếu “hẹn đi cùng đường” với nam chúng cũng là phạm giới, một người hay nhiều người cũng như vậy. Ví dụ một tỳ-kheo hẹn với mười người nữ cùng đi, đi về phía tụ lạc, vừa bắt đầu đi là đã phạm tội ở chương năm, đi đến tụ lạc thì phạm tội ở chương ba. Mười người nữ thì phạm mười điều tội, nếu mười tỳ-kheo và mười người nữ cùng đi thì mười tỳ-kheo đó mỗi vị đều phạm mười điều tội. Trừ khi thế nào? Trừ khi có một cư sĩ nam đi cùng thì mới có thể khai duyên, cho nên đây đều là tránh sự nghi ngờ chê trách. Tỳ-kheo-ni cũng có thể như vậy, đối chiếu ngược lại thì phải có cư sĩ nữ đi cùng thì mới có thể đi với người nam, người nam này là bao gồm tại gia và xuất gia.

Nếu bản thân không có người cùng đi, mà một mình cùng người nữ đi ra ngoài thì sẽ bị những người nơi phố chợ hủy báng, gièm pha, khiến họ tạo khẩu nghiệp. Hơn nữa, nếu bản thân làm như vậy thời gian lâu sẽ khó tránh khỏi sanh khởi tâm ô nhiễm, giữa chúng xuất gia và người nữ nhất định phải giữ một khoảng cách nhất định. “Cùng đi trước hoặc sau”, “không được cùng đi trước hoặc sau người nữ”, còn

bao gồm đôi với mẹ và người thân của mình. Vì sao vậy? Đều bị nghi ngờ chê trách như nhau, người khác nhìn thấy không biết đó là mẹ của bạn. Thậm chí đứng cùng nhau cũng không được, trừ khi cũng có người nam đứng cùng. Thế nhưng thông thường đều không được ở cùng nhau, người xuất gia nên ở tự viện, ra ngoài du ngoạn, tham học có thể ở khách sạn, chính là nhà khách, cố hết sức không ở nhà cư sĩ nữ, đều vì ngăn ngừa sự nghi ngờ chê trách, phòng ngừa sự ô nhiễm. Có câu là “lâu ngày sanh tình cảm”, tình cảm này bao gồm tình cảm nam nữ, cũng bao gồm điều gì? Đây đưa tình cảm với cư sĩ.

Giống như một thiền sư thời xưa, thiền sư Thảo Đường Thanh, ngài là một vị đại đức, công phu tu trì rất tốt. Ngài nhận cúng dường của một nữ cư sĩ trong một thời gian dài, kết quả thọ ân của cô ấy, đến khi lâm chung ngài nói với cô cư sĩ đó rằng: “Đời này cô hộ trì tôi như vậy, thành tựu đạo nghiệp của tôi, tôi vô cùng cảm ơn, đời sau nguyện làm con của cô để báo ơn.” Bạn xem, ngài không cầu sanh Tây Phương mà đời sau muốn đến báo ơn. Công phu tu trì tốt, biết trước ngày giờ, ngồi mà ra đi, sau khi ngồi ra đi, thật sự đã đến nhà người phụ nữ ấy đầu thai. Về sau làm tể tướng, bởi vì đời trước tu hành nên phước đức trí tuệ đều rất cao, thế nhưng đời này không bằng đời trước, chỉ được làm tể tướng, việc này rất đáng tiếc. Đại sư Ấn Quang dùng ví dụ này để khuyên chúng ta phải cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bởi vì nếu không vãng sanh, cho dù bạn có công phu thiền định như thế cũng rất khó thành tựu, không ra khỏi tam giới. Nếu có một niệm tình chấp, muốn đi báo ơn thì bạn đã kết một cái duyên không thể cởi được với họ. Người này tương lai nhất định rất hiếu thuận, bởi vì họ đến báo ơn, thế nhưng công phu của họ kỳ thực đã thoái chuyển. Tiếp theo là điều thứ bảy:

“Không được cùng đi trước hoặc sau ni chúng.”

Điều này và điều trước “cùng đi trước hoặc sau người nữ” là như nhau, với chúng tỳ-kheo-ni cũng không được tùy tiện trước sau cùng đi. Nếu nhất định phải cùng đi ra ngoài tham học thì mỗi bên đều phải có người đi cùng. Tỳ-kheo thì tìm người nam đi cùng, cư sĩ nam đi cùng; tỳ-kheo-ni tìm cư sĩ nữ cùng đi, như vậy trên luật có thể chấp nhận, gọi là “đi cùng nhóm”, chính là bốn chúng đệ tử đều có. Khi Phật còn tại thế, tăng đoàn cũng có tình hình như vậy, cùng đi chuyển tập thể, tăng đoàn tỳ-kheo ở phía trước, cư sĩ nam theo sau, tiếp đó tỳ-kheo-ni và cư sĩ nữ đi theo sau, đi cùng nhóm, việc này có thể. Nếu không có người đi cùng thì không được đi cùng nhau.

Hiện tại đã hết giờ, môn này chúng tôi trước tiên giảng đến đây. Có chỗ nào không thỏa đáng, xin mọi người phê bình chỉ bảo. Cảm ơn mọi người.